

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 377/2024/DSPT

Ngày: 28/8/2024

V/v: “Tranh chấp bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Phan Thị Hồng Dung

- **Các thẩm phán:** Bà Hồ Thị Tuyết Phương

Bà Lê Thị Minh Trang

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Ban – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:**
Ông Bùi Trung Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024
về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 59/2024/QĐXXPT-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024.

Do Bản án sơ thẩm số 101/DSST ngày 09/5/2024 của TAND quận Ninh
Kiều thành phố Cần Thơ có kháng cáo giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Thành T**, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: MG2-05A V, B đường C, phường X, quận N, thành phố Cần
Thơ.

Người đại diện ủy quyền: Bà **Võ Thị Kiều T1**, sinh năm: 1975 (có mặt)

Địa chỉ: E, khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên lạc: A KDC H, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

Giấy ủy quyền số công chứng 600, quyền số 02/2023TP/CC-SCC/HĐGD,
ngày 14/02/2023 của Văn phòng C.

* **Bị đơn:** **Công ty C1** (Gọi tắt Công ty C1).

Địa chỉ: Tầng B Tòa nhà T, số E đường N, phường L, quận Đ, thành phố
Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh: D N, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: **Công ty TNHH MTV Q và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Đ (B)** - Hợp đồng ủy quyền số: 170/2023/HĐUQ-BSL-BAMC, ngày 20/3/2023.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

Ông **Phan Quang N** (có mặt); bà **Bùi Nguyễn Quỳnh N1** (có mặt); ông **Hồ Minh G** (có mặt); ông **Nguyễn Tiến T2** (vắng mặt); ông **Phạm Bá S** (có mặt).

(Văn bản ủy quyền số: 11/QĐUQ-BAMC, ngày 24/4/2024)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Đỗ Thị Tuyết N2**.

Địa chỉ: M, B đường C, phường X, quận N, TP . (xin vắng mặt).

2. **Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.**

Địa chỉ: A đường T, phường X, quận N, TP ..

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh Công T3**, Chức vụ: Phó Chi cục trưởng - Văn bản ủy quyền số: 551/VBUQ-CCTHADS, ngày 20/10/2023 (xin vắng mặt).

3. **Công ty CP D1 Long**

Địa chỉ: A8 đường C, phường N, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện pháp luật: **Nguyễn Ngọc T4** (xin vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thành T, Công ty C1 – SUMI TRUST.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2022 và đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 07/8/2023 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ của Nguyên đơn có đại diện trình bày:

Vào các ngày 22 và 23/12/2009, ông Nguyễn Thành T và vợ bà Đỗ Thị Tuyết N2 có ký hợp đồng bán 01 sà lan đăng ký số 01678 (gọi tắt là sà lan) với giá 3.690.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm chín mươi triệu đồng) cho Công ty C1 (Nay là Công ty C1 - SuMi TRUST – Gọi tắt là Công ty cho thuê tài chính). ông Nguyễn Thành T và vợ bà Đỗ Thị Tuyết N2 đã nhận tiền và giao sà lan cho Công ty cho thuê tài chính vào ngày 24/5/2010.

Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 02/2019/KDTM-PT ngày 20/02/2019 của TAND thành phố Cần Thơ tuyên xử buộc ông T trả lại số tiền đã nhận là 3.690.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm chín mươi triệu đồng) và trả tiền lãi với lãi suất là 11,1%/năm từ khi nhận tiền đến khi thi hành án. Đồng thời buộc Nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH C1 có nghĩa vụ trả lại sà lan tự hành đăng ký số 01678.

Ông T và vợ bà Tuyết N2 đã chấp nhận và đã thi hành án xong trả lại số tiền và lãi cho Công ty cho thuê tài chính. Ngược lại Công ty cho thuê tài chính không chủ động thi hành án để trả lại sà lan tự hành đăng ký số 01678 sau khi Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật. Mặc dù, đã được Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều mời làm việc nhiều lần, mãi đến ngày 12/11/2021 Công ty cho thuê tài chính mới cử đại diện đến để bàn giao sà lan, nhưng khi tiến hành kiểm tra sà lan thì không phải là sà lan mà Nguyên đơn đã giao cho Công ty như lúc đầu, máy móc, thiết bị trong sà lan không đúng theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số ĐKHC CT01678/ĐK do Sở Giao thông Công chính thành phố C cấp ngày 27/6/2006 (Máy lúc ông T giao là máy MITSUBISHI công suất 295 CV, máy hiện nay là máy CUMMINS; phần vỏ sà lan cũng bị thay đổi, một số bộ phận bị dăm và bằng các loại vật liệu khác không còn hiện trạng như ban đầu). Ông T và vợ bà N2 đã giao sà lan cho Công ty cho thuê tài chính vào ngày 24/5/2010 và Công ty cho thuê tài chính đã sử dụng và thay đổi nhiều kết cấu của sà lan làm cho sà lan bị giảm giá trị và không đúng theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 01678/ĐK nên ông Tuấn không đồng ý nhận.

Nay ông Nguyễn Thành T yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:

Yêu cầu Tòa buộc Công ty C1 bồi thường giá trị sà lan tự hành đăng ký số 01678/ĐK tương ứng với số tiền 3.690.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm chín mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật từ ngày 24/5/2010 cho đến khi kết thúc vụ án.

Theo đơn sửa đổi, bổ sung nội dung đơn khởi kiện ngày 07/8/2023 của Nguyên đơn ông T xin trình bày, bổ sung nội dung đơn khởi kiện như sau:

- Yêu cầu Tòa án cho thẩm định chiếc sà lan, buộc Công ty C1 có trách nhiệm trả số tiền chênh lệch sau khi thẩm định chiếc sà lan giảm giá trị do máy móc thiết bị bên trong sà lan không đúng theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 01678/ĐK, vỏ sà lan đã cũ, gỉ sét, và do Công ty C1- C1 đã sử dụng thời gian hơn 10 năm.

Sau khi có chứng thư thẩm định giá số: 011123/CT-SP, ngày 01/11/2023 của Công ty TNHH T5. Nguyên đơn đề nghị thay đổi nội dung là nhận chiếc sà lan và yêu cầu Bị đơn trả giá trị chênh lệch theo giá định giá lại cho Nguyên đơn theo giá mua trừ giá định giá bằng giá trị trả lại như sau:

Giá mua tài sản là 3.690.000.000 đồng – 800.000.000 đồng = 2.890.000.000 đồng.

Nguyên đơn đồng ý nhận chiếc sà lan và buộc Bị đơn trả lại giá trị 2.890.000.000 đồng (Hai tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng).

** Bị đơn có đơn phản tố ngày 14 tháng 07 năm 2023 trình bày:*

Ngày 22 và 23/12/2009, Công ty C1 thuê tài chính đã ký Hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa với ông T và bà N2 mua sà lan biển số CT-01678/ĐK với giá là 3.690.000.000 đồng (bằng chữ: Ba tỷ sáu trăm chín mươi triệu đồng). Theo Điều 3 Hợp đồng mua bán quy định về thời gian giao tài sản: "Thời gian giao Phương tiện thủy nội địa là ngay sau khi ký hợp đồng này", tuy nhiên, ông T và bà N2 đã không giao tài sản đúng thỏa thuận dẫn đến cơ hội kinh doanh của Công ty cho thuê tài chính và các bên liên quan bị thiệt hại, ảnh hưởng.

Vì vậy, Công ty cho thuê tài chính đã khởi kiện ông T và bà Tuyết N2 để giải quyết tranh chấp. Vụ án đã được giải quyết theo Bản án số 02/2019/KDTM-PT ngày 20/02/2019 v/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và cho thuê tài chính" được TAND thành phố Cần thơ tuyên xử: "1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:.... Nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại sà lan tự hành số đăng ký ĐKHC CT 01678 và chuyển quyền sở hữu 01 sà lan số ĐKHC CT-00777 và 01 tàu kéo số ĐKHC LA-02634 cho Bị đơn". Thực hiện quyết định thi hành Bản án phúc thẩm trên, Công ty C1 thuê tài chính đã chủ động trả lại sà lan CT 01678 cho ông T và bà N2 nhưng ông T cho rằng kết cấu đã bị thay đổi không còn đúng hiện trạng tài sản và từ chối nhận. Trong quá trình thi hành án, Công ty C1 đã đề nghị bồi thường lại cho ông T thiết bị, máy móc cùng loại với thiết bị, máy nêu tại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện của sà lan CT 01678 hoặc quy đổi ra giá trị tương đương nhưng ông T vẫn không đồng ý.

Ngày 01/3/2023, TAND quân Ninh Kiều ban hành Thông báo số 100/TB-TLVA về việc thụ lý vụ án. Theo đó, ông T khởi kiện Công ty C1 thuê tài chính với các yêu cầu:

- Buộc Công ty Cho thuê tài chính bồi thường chiếc sà lan bằng số tiền 3.690.000.000 đồng.

- Công ty cho thuê tài chính phải trả tiền lãi từ ngày nhận sà lan cho đến nay theo quy định pháp luật.

Quan điểm đối với nội dung khởi kiện của ông T: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T và bà Tuyết N2 về việc bồi thường giá trị sà lan tự hành số hiệu CT 01678 là 3.690.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, thì Công ty cho thuê tài chính không đồng ý. Công ty C1 sẽ bồi thường lại cho ông T thiết bị, máy móc cùng loại với thiết bị, máy móc nêu tại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện để lắp đặt lại vào chiếc sà lan cho ông T hoặc quy đổi ra giá trị tương đương. Ngoài ra, Công ty cho thuê tài chính không đồng ý với nội dung ông T cho rằng Công

ty không thi hành án. Thời điểm thi hành án năm 2021, dịch bệnh Covid tại TP . rất khó kiểm soát, nguy hiểm và đã ghi nhận thiệt hại về người. Do đó, TP . kiểm soát gắt gao việc di chuyển ra trong và ngoài thành phố (Nghị quyết số 128 ngày 11/10/2021 của Chính phủ).

Công ty có phản tố ngày 14/7/2023 yêu cầu Toà án giải quyết những vấn đề sau đây đối với Nguyên đơn: Thực hiện Bản án phúc thẩm số 02/2019/KDTM-PT ngày 20/02/2019 của TAND thành phố Cần Thơ và Quyết định thi hành án số 1416/QĐ-CCTHADS ngày 19/5/2021 của Chi cục THA dân sự quận N, ngày 12/11/2021 Công ty C1 thuê tài chính đã mang chiếc sà lan 01678/ĐK đến bãi neo đậu trên sông H L, T, B, TP . Thờ theo Thông báo của Cơ quan THA dân sự quận N, TP . để bàn giao cho ông T nhưng ông T chưa đồng ý nhận tài sản với lý do: "...đây không phải chiếc sà lan mà trước đây tôi bàn giao cho Công ty C1 thuê tài chính TNHH C1; máy móc thiết bị bên trong sà lan không đúng theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 01678/ĐK do Sở giao thông công chính – UBND thành phố C cấp ngày 27/6/2006; phần vỏ sà lan đã cũ, gỉ sét nhưng chiều rộng, chiều dài thiết kế đúng theo GCN" (Theo Biên bản về việc cưỡng chế giao tài sản ngày 12/11/2021 - bút lục số 15).

Theo điểm b khoản 1 Điều 114 Luật thi hành án dân sự 2008: *"Trường hợp vật phải trả giảm giá trị mà người được thi hành án không đồng ý nhận thì Chấp hành viên hướng dẫn đương sự thỏa thuận việc thi hành án... Trường hợp đương sự không thỏa thuận được thì Chấp hành viên cưỡng chế trả vật cho người được thi hành án. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết về thiệt hại do vật phải trả bị giảm giá trị".*

Do ông T chưa nhận lại tài sản, nên sà lan đến nay vẫn được trông coi tại Bãi neo đậu sà lan trên Sông H và phát sinh chi phí trông giữ hằng tháng là 15 triệu đồng/tháng. Chi phí trông giữ tạm tính từ ngày 12/11/2021 đến hết ngày 31/3/2023 là 246.500.003 đồng VNĐ (*Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm ngàn không trăm lẻ ba đồng*). Để vụ án được giải quyết khách quan, hiệu quả và nhanh chóng, Bị đơn cho rằng, trước mắt Nguyên đơn phải tiếp nhận và chủ động có phương hướng bảo quản, xử lý tài sản để tránh xảy ra các tranh chấp phát sinh, rủi ro không cần thiết sau này (Ví dụ: chi phí trông giữ phát sinh, an ninh an toàn liên quan đến tài sản, giá trị tài sản bị giảm sút,...). Bên cạnh đó, việc Nguyên đơn nhận lại tài sản là tiền đề để các bên tiếp tục đàm phán, thực hiện các công việc tiếp theo, thẩm định, định giá giá trị tài sản bị giảm đi làm cơ sở để giải quyết vấn đề mâu chốt của vụ án. Vì vậy, Bị đơn đề nghị Tòa xem xét yêu cầu Nguyên đơn - ông T thực hiện các nội dung sau:

- Tiếp nhận tài sản là chiếc sà lan 01678/ĐK để trông giữ, bảo quản, xử lý để tránh xảy ra các tranh chấp, rủi ro phát sinh.

- Thanh toán toàn bộ chi phí trông giữ chiếc sà lan 01678/ĐK kể từ ngày 12/11/2021 (*được xác định là thời điểm Bị đơn đã thực hiện trả vật cho ông T theo yêu cầu của Cơ quan thi hành án; Biên bản về việc cưỡng chế giao tài sản, bút lục số 15*). Trong đó, hoàn trả phí trông giữ Bị đơn đã tạm ứng thanh toán từ ngày 12/11/2021 đến 31/3/2023 là: 246.500.003 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm ngàn không trăm lẻ ba đồng) và thanh toán chi phí trông giữ phát sinh kể từ ngày 01/04/2023 cho Đơn vị trông giữ, bảo vệ tài sản.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều có văn bản số 676, ngày 15/12/2023 trình bày:*

Chi cục THA dân sự quận N nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 300/TB-TLVA ngày 22/6/2023 của TAND quận Ninh Kiều, Chi cục THA dân sự quận N báo cáo liên quan hồ sơ như sau:

Chi cục THA dân sự quận N đang tổ chức thi hành Bản án số 02/2019/KDTM-PT ngày 20/02/2019 của TAND thành phố Cần Thơ. Nội dung: “*Buộc ông Nguyễn Thành T và bà Đỗ Thị Tuyết N2, cùng địa chỉ: F đường C, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ phải trả cho Công ty C1 – SuMi TRUST số tiền 6.597.000.000 đồng (Sáu tỷ, năm trăm chín mươi bảy triệu đồng); bồi thường thiệt hại số tiền 6.024.148.800 đồng (sáu tỷ, không trăm hai mươi bốn triệu, một trăm bốn mươi tám ngàn, tám trăm đồng). Tổng cộng 12.621.148.800 đồng (Mười hai tỷ, sáu trăm hai mươi một triệu, một trăm bốn mươi tám ngàn, tám trăm đồng). ...Nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại sà lan tự hành số đăng ký ĐKHC CT 0168 và chuyển quyền sở hữu 01 sà lan số ĐKHC CT-00777 và 01 tàu kéo số ĐKHC LA – 02634 cho bị đơn...*

Kể từ ngày Công ty cho thuê tài chính TNHH C1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Thành T và bà Đỗ Thị Tuyết N2 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì còn phải chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất trung bình trên thị trường tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án...”

Theo đơn yêu cầu thi hành án của ông T, Chi cục ban hành Quyết định số 1416/QĐ-CCTHADS về việc thi hành án theo đơn yêu cầu với khoản: “*Công ty cho thuê tài chính TNHH C1 có nghĩa vụ trả lại sà lan tự hành số đăng ký ĐKHC CT 0168 và chuyển quyền sở hữu 01 sà lan số ĐKHC CT-00777 và 01 tàu kéo số ĐKHC LA – 02634*” cho ông Nguyễn Thành T và bà Đỗ Thị Tuyết N2”. Do hết thời gian tự nguyện thi hành án, Công ty C1 – SuMi TRUST không tự nguyện thi hành án. Ngày 15/6/2021, Chấp hành viên ban hành Quyết định số 34/QĐ-CCTHADS về việc cưỡng chế trả vật đối với vật phải trả là sà lan tự

hành số đăng ký ĐKHC CT 01678. Sau nhiều lần thông báo việc yêu cầu mang chiếc sà lan tự hành số đăng ký ĐKHC CT 01678 để thực hiện việc giao trả cho ông T và bà N2. Đến ngày 12/11/2021, Chi cục THA dân sự quận N kết hợp với các ban ngành, cơ quan liên quan chứng kiến việc giao nhận chiếc sà lan tự hành số đăng ký ĐKHC CT 01678. Tuy nhiên, ông T không đồng ý nhận do thay đổi hiện trạng so với Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 01678 do Sở Giao thông công chính – UBND thành phố C cấp ngày 27/6/2006. Các bên thống nhất thỏa thuận việc giao sà lan là 07 ngày kể từ ngày 12/11/2021. Nếu không thỏa thuận được thì đề nghị Cơ quan THA giải quyết theo quy định của pháp luật. Hết thời gian quy định các bên không thỏa thuận được, ngày 20/12/2021 Chấp hành viên có Thông báo số 68/TB-CCTHADS ngày 20/12/2021 về việc hướng dẫn ông T và bà N2 yêu cầu Tòa án giải quyết về thiệt hại do vật phải trả bị giảm giá trị. Ngày 22/6/2022, TAND quận Ninh Kiều có Thông báo số 300/TB-TLVA về việc thụ lý vụ án và Quyết định số 08/2022/QĐST-DS ngày 23/6/ 2022 về việc chuyển hồ sơ vụ án. Ngày 04/7/2022, Chi cục THA dân sự quận N ban hành Quyết định số 12/QĐ-CCTHADS về việc hoãn thi hành án để chờ kết quả giải quyết của Tòa án.

Ngày 01/3/2023, TAND quận Ninh Kiều có Thông báo số 100/TB-TLVA về việc thụ lý vụ án.

Căn cứ Điều 114 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) “1. Đối với vật đặc định, việc cưỡng chế được thực hiện như sau:

a) Chấp hành viên yêu cầu người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng trả vật cho người được thi hành án; nếu người đó không thi hành thì Chấp hành viên thu hồi vật để trả cho người được thi hành án;

b) Trường hợp vật phải trả giảm giá trị mà người được thi hành án không đồng ý nhận thì Chấp hành viên hướng dẫn đương sự thỏa thuận việc thi hành án. Việc thi hành án được thực hiện theo thỏa thuận.

Trường hợp đương sự không thỏa thuận được thì Chấp hành viên cưỡng chế trả vật cho người được thi hành án. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về thiệt hại do vật phải trả bị giảm giá trị;

c) Trường hợp vật không còn hoặc bị hư hỏng đến mức không sử dụng được mà đương sự có thỏa thuận khác về việc thi hành án thì Chấp hành viên thi hành theo thỏa thuận.

Trường hợp đương sự không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về thiệt hại do vật phải trả không còn hoặc hư hỏng đến mức không sử dụng được.

2. Đối với vật cùng loại thì Chấp hành viên thực hiện việc cưỡng chế theo nội dung bản án, quyết định.

Trường hợp vật phải trả không còn hoặc hư hỏng, giảm giá trị thì Chấp hành viên yêu cầu người phải thi hành án trả vật cùng loại hoặc thanh toán giá trị của vật cùng loại, trừ trường hợp đương sự có thỏa thuận khác.

3. Trường hợp người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng vật phải trả có thể tẩu tán, hủy hoại vật đó thì Chấp hành viên có quyền áp dụng ngay biện pháp bảo đảm thi hành án quy định tại Điều 68 của Luật này”.

Theo quy định trên, hiện tại Tòa án đã thụ lý, Chi cục sẽ chờ kết quả giải quyết của Tòa án.

Chi cục đề nghị Tòa xem xét buộc Công ty C1 phải trả vật cùng loại hoặc thanh toán giá trị của vật cùng loại cho ông T, bà Tuyết N2 đối với phần thiết bị, máy móc bên trong có thay đổi như sau: Hiệu máy: Cummins, số máy 10723816; Hệ thống lái chuyển sang thủy lực (hệ thống cũ là S1); Vách trước hầm hàng có thay vỏ mới (tole mới).

Chi cục THA dân sự quận N có ý kiến đến TAND quận Ninh Kiều được biết./.

Do hòa giải không thành, vụ kiện được xét xử công khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Nguyên đơn trình bày: Sau khi có chứng thư thẩm định giá số: 011123/CT-SP, ngày 01/11/2023 của Công ty TNHH T5. Nguyên đơn đề nghị sửa đổi nội dung khởi kiện ban đầu là Nguyên đơn nhận chiếc sà lan và yêu cầu Bị đơn trả giá trị chênh lệch theo giá định giá lại cho Nguyên đơn theo giá mua trừ giá định giá bằng giá trị trả lại như sau: Giá mua 3.690.000.000 đồng – 800.000.000 đồng = 2.890.000.000 đồng; Nguyên đơn đồng ý nhận chiếc sà lan và buộc bị đơn trả lại giá trị 2.890.000.000 đồng (Hai tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng). Nguyên đơn cam kết nhận sà lan tại thời điểm hiện tại, theo ý kiến của Cơ quan Thi hành án bao gồm có thay đổi máy (như sau: Hiệu máy: Cummins, số máy 10723816; Hệ thống lái chuyển sang thủy lực (hệ thống cũ là S1); Vách trước hầm hàng có thay vỏ mới (tole mới) và nhận tài sản hiện tại khi nhận).

Đại diện Bị đơn trình bày: Theo nội dung đơn phản tố ngày 14/7/2023 yêu cầu Nguyên đơn ông T thực hiện các nội dung sau:

- Tiếp nhận tài sản là chiếc sà lan số đăng ký ĐKHC CT 01678/ĐK để trông giữ, bảo quản, xử lý để tránh xảy ra các tranh chấp, rủi ro phát sinh.

- Thanh toán toàn bộ chi phí trông giữ chiếc sà lan 01678/ĐK kể từ ngày 12/11/2021 (được xác định là thời điểm Bị đơn đã thực hiện trả vật cho ông T

theo yêu cầu của Cơ quan thi hành án; Biên bản về việc cưỡng chế giao tài sản, bút lục số 15) Tại phiên tòa sửa đổi ngày yêu cầu cho đúng với Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 12/11/2021 trừ lại 07 ngày ngày tính tiền trông giữ kể từ ngày 19/11/2021, mỗi ngày 500.000 đồng, bảy ngày là 3.500.000 đồng. Trong đó, hoàn trả phí trông giữ bị đơn đã tạm ứng thanh toán từ ngày 19/11/2021 đến 30/4/2024 tổng số tiền là: 435.272.733 đồng (Bốn trăm ba mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng) và thanh toán chi phí trông giữ phát sinh kể từ ngày 01/04/2023 cho Bị đơn trả cho đơn vị trông giữ, bảo vệ tài sản.

Tại Bản án sơ thẩm số 101/2024/DSST ngày 09/5/2024 của TAND quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Nguyễn Thành T và chấp nhận yêu cầu phản tố của Bị đơn Công ty C1 – SUMI TRUST như sau:

- Về trách nhiệm bồi thường, trách nhiệm dân sự:

+ Buộc Bị đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH C1 có nghĩa bồi thường thiệt hại, trả lại cho ông Nguyễn Thành T số tiền 2.890.000.000 đồng (Hai tỷ, tám trăm chín mươi triệu đồng).

+ Buộc Nguyên đơn ông Nguyễn Thành T phải trả tiền phí trông giữ sà lan cho Bị đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH C1 số tiền 435.272.733 đồng (Bốn trăm ba mươi lăm triệu, hai trăm bảy mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi ba đồng) (tính từ ngày 19/11/2021 tạm tính đến ngày 30/4/2024, tiền phí mỗi tháng 15.000.000 đồng). Đồng thời, Nguyên đơn phải có nghĩa tiếp tục trả tiền phí thuê bãi, trông giữ sà lan tiến tục từ ngày 01/5/2024 cho Nguyên đơn cho đến khi Nguyên đơn hoàn thành việc nhận lại sà lan.

Kể từ khi có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án, bên chậm thi hành án phần nghĩa vụ trả tiền, có nghĩa vụ phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chưa thi hành án và thời gian thi hành án.

Về trách nhiệm giao vật – tài sản:

Ghi nhận sự tự nguyện của các bên đương sự, Nguyên đơn ông Nguyễn Thành T tự nguyện nhận chiếc sà lan tự hành theo Giấy đăng ký số ĐKHC CT 01678/ĐK do Sở giao thông Công chính – UBND thành phố C cấp ngày 27/6/2006 (Trong đó thân vỏ sà lan và các thiết bị máy móc đã qua sử dụng, không rõ tình trạng bên trong; Hiệu máy: Cummins, số máy 10723816; Hệ thống lái chuyển sang thủy lực (hệ thống cũ là S1); Vách trước hầm hàng có thay vỏ mới (tole mới) và nhận tài sản hiện tại khi nhận);

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo qui định.

Ngày 23/5/2024 ông Nguyễn Thành T có đơn kháng cáo đối với phần án sơ thẩm tuyên trả số tiền chi phí trông giữ sà lan cho Công ty là không đúng, do ông không có lỗi trong việc này.

Ngày 21/5/2024 Bị đơn có đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét lại phần bồi thường sà lan bị thay đổi so với hiện trạng ban đầu.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu phản tố, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Thẩm phán, chủ tọa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đủ cơ sở để kết luận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về bồi thường sà lan là có cơ sở; Bị đơn yêu cầu phản tố về tiền lưu giữ sà lan là có cơ sở. Bản án sơ thẩm xử là có căn cứ.

Về yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn, tại phiên tòa phúc thẩm Nguyên đơn rút kháng cáo nên đình chỉ. Về yêu cầu kháng cáo của Bị đơn không có căn cứ nên không chấp nhận.

Đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do chênh lệch giá trị sà lan do sà lan không đúng theo Giấy chứng nhận ban đầu làm giảm giá trị tài sản. Tuy nhiên Quyết định xét xử số 173/2024/QĐXXST-DS ngày 25/3/2024 xác định “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và bồi thường thiệt hại theo hợp đồng mua bán tài sản*” là chưa phù hợp với yêu cầu khởi kiện tranh và thụ lý. Nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*” liên quan đến thi hành án quận N, thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 6 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy bổ sung người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với Công ty CP D1 L là cần thiết để bảo đảm quyền lợi cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Công ty CP D1; bà Đỗ Thị Tuyết N2 và Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định Điều 73, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do vậy cấp sơ thẩm bổ sung tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đúng.

Bị đơn cung cấp chứng cứ Bảng kê tạm ứng phí trông giữ chiếc sà lan 01678/ĐK ngày 25/04/2024 và các tài liệu kèm theo hóa đơn chứng từ, hợp đồng dịch vụ bản sao và pho to kèm theo, căn cứ Điều 254 Bộ luật tố tụng dân sự công bố tài liệu bị đơn cung cấp, đại diện Nguyên đơn đã tiếp cận chứng cứ ngày 26/4/2024. Các đương sự không có ý kiến hay bổ sung chứng cứ mới.

[3] Xét chứng cứ và nội dung yêu cầu:

Hội đồng xét xử xét thấy, tại Điều 6 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *“Các đương sự có quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp”*. Tại phiên tòa và quá trình giải quyết vụ kiện thì Nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã cung cấp chứng cứ, chứng cứ được công bố và công bố tại phiên tòa, được thực hiện đầy đủ đúng theo quy định.

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, đồng nghĩa với việc xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn về việc không đồng ý trả giá trị chênh lệch sà lan.

Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản là chiếc sà lan tự hành số hiệu đăng ký ĐKHC CT 01678/ĐK. Nhận thấy, tài sản các bên tranh chấp là chiếc sà lan tự hành theo Giấy chứng nhận số hiệu đăng ký ĐKHC CT 01678/ĐK, là tài sản được thực hiện theo Bản án sơ thẩm số 15/2018/DS-ST, ngày 09/7/2018 của TAND quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; Bản án phúc thẩm số 02/2019/KDTM-PT ngày 20/02/2019 của TAND thành phố Cần Thơ và Quyết định thi hành án số 1416/QĐ-CCTHADS, ngày 19/5/2021 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều. Thể hiện người được thi hành án là ông Nguyễn Thành T, bên phải thi hành án là Công ty cho thuê tài chính T6, theo Biên bản về việc cưỡng chế giao tài sản ngày 29/10/2021; Biên bản về việc vắng mặt người phải thi hành án ngày 29/10/2021 và Biên bản về việc ghi nhận ý kiến các bên đương sự, ngày 12/11/2021 thể hiện nội dung làm việc *“Do hiện trạng tài sản giao trả thực tế là chiếc sà lan tự hành số đăng ký ĐKHC CT 01678 không phù hợp với GCN đăng ký phương tiện thủy nội địa số 01678/ĐK do Sở giao thông Công chính – UBND thành phố C cấp ngày 27/6/2006. Vì vậy, Cơ quan Thi hành án cho thời gian để các bên dự thỏa thuận*

phương án giải quyết việc giao nhận chiếc sà lan nêu trên”, “Ý kiến ông Nguyễn Thành T: Tôi không thỏa thuận với bên phải thi hành án... đề nghị Cơ quan Thi hành án xử lý theo quy định pháp luật”, “Ý kiến công ty SuMi Trust: Do hai bên không tiến hành thỏa thuận được về phương án giải quyết đối với việc giao nhận chiếc sà lan. Do đó, đề nghị Chi cục Thi hành án tiến hành giải quyết theo quy định pháp luật”. Quá trình giải quyết vụ kiện và tranh luận thể hiện ông T đã thi hành án số tiền còn bên phải thi hành án là bị đơn phải giao chiếc sà lan tự hành như nội dung đã thể hiện nêu trên, tại ý kiến theo văn bản số 676, ngày 15/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều thể hiện nội dung hai bên tranh chấp chưa giao nhận chiếc sà lan tự hành số đăng ký ĐKHCCT 01678/ĐK; Lý do, tài sản là vật đồng bộ không đúng, Nguyên đơn ông T không nhận tài sản có tranh chấp với bị đơn, ý kiến Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều nêu vừa là chứng cứ vừa là yêu cầu được hai bên đương sự ghi nhận trong suốt quá trình thi hành án của hai Bản án có hiệu lực pháp luật, trích nội dung ý kiến: “ Chi cục đề nghị Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều buộc Công ty C1 phải trả vật cùng loại hoặc thanh toán giá trị của vật cùng loại cho ông Nguyễn Thành T, bà Đỗ Thị Tuyết N2 đối với phần thiết bị, máy móc bên trong có thay đổi như sau: Hiệu máy: Cummins, số máy 10723816; Hệ thống lái chuyển sang thủy lực (hệ thống cũ là S1); Vách trước hầm hàng có thay vỏ mới (tole mới)”. Theo giấy đăng ký số ĐKHC CT 01678/ĐK do Sở giao thông Công chính-UBND thành phố C cấp ngày 27/6/2006 (BL170) chi tiết sà lan: Năm đóng 2003, nơi đóng: Cần Thơ; chiều dài thiết kế: 44,32m, chiều dài lớn nhất: 45,69m, chiều rộng thiết kế: 8,42m, chiều rộng lớn nhất: 8,64m; chiều cao mạn: 3,10m, chiều chìm: 2,78m; mạn khô: 0,32m; vật liệu vỏ: thép; máy chính: Hiệu MITSUBISHI, số lượng máy: 01, số máy: 30006, Nước sản xuất: Nhật; Công suất máy: 295CV; tổng công suất: 295CV; trọng tải toàn phần, số lượng người được phép chở, sức kéo, đẩy: 658 tấn. Qua phân tích, đánh giá chứng cứ thể hiện tài sản Nguyên đơn tranh chấp yêu cầu bồi thường là chiếc sà lan tự hành số 01678/ĐK đây là tài sản có Giấy đăng ký được cơ quan thẩm quyền cấp Giấy đăng ký theo thông số kỹ thuật, kết cấu, máy đi cùng để lưu thông thủy, nên xác định là vật đồng bộ theo Điều 114 Bộ luật dân sự năm 2015 “Vật đồng bộ là vật gồm các phần hoặc các bộ phận ăn khớp, liên hệ với nhau hợp thành chỉnh thể mà nếu thiếu một trong các phần, các bộ phận hoặc có phần hoặc bộ phận không đúng quy cách, chủng loại thì không sử dụng được hoặc giá trị sử dụng của vật đó bị giảm sút.

Khi thực hiện nghĩa vụ chuyển giao vật đồng bộ thì phải chuyển giao toàn bộ các phần hoặc các bộ phận hợp thành, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Hiện tại, chiếc sà lan tự hành được giao không đồng bộ máy chính hiện tại “Hiệu máy: Cummins, số máy 10723816; Hệ thống lái chuyển sang thủy lực (hệ thống cũ là S1); Vách trước hầm hàng có thay vỏ mới (tole mới)”. Trong khi sà lan tự hành được các bên thi hành theo bản án - quyết định có hiệu lực pháp luật có Giấy đăng ký được cấp ĐKHC CT01678/ĐK có máy hiệu MITSUBISHI, bị đơn giao sà lan tự hành theo các chứng cứ có trong hồ sơ là máy hiệu Cummins, không được đăng ký trên giấy đăng ký, chưa được cơ quan thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận để phương tiện lưu thông thủy theo quy định, nên tài sản là vật được giao không được đồng bộ, đã làm giảm giá trị và giá trị giảm sút được định giá theo chứng thư thẩm định giá số: 011123/CT-SP, ngày 01/11/2023 của Công ty TNHH T5 giá trị còn lại chiếc sà lan là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), đây là chứng cứ được các bên ghi nhận, bị đơn thực hiện nghĩa vụ giao vật là chiếc sà lan tự hành không đúng với giấy đăng ký số ĐKHC CT 01678/ĐK do Sở giao thông Công chính-UBND thành phố C cấp ngày 27/6/2006 nên Nguyên đơn đã chứng minh yêu cầu theo Điều 6, Điều 92, Điều 94, Điều 114, 279 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó yêu cầu của Nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận, cấp sơ thẩm giải quyết yêu cầu này là có căn cứ được giữ nguyên.

Vì vậy yêu cầu kháng cáo của Bị đơn là không có căn cứ để xem xét.

Trường hợp nếu các bên chỉ tranh chấp giao vật là máy thì máy hiệu Mitsubitshi với máy hiệu Cummins có thể được xem là vật cùng loại theo Khoản 1 Điều 113 Bộ luật dân sự năm 2015. Nhưng đây là sà lan tự hành, lưu thông thủy, có giấy đăng ký 01678/ĐK được cơ quan thẩm quyền cấp theo quy định mới được lưu thông. Hội đồng xét xử xem xét đánh giá theo Điều 114 Bộ luật dân sự năm 2015 nêu trên là phù hợp.

Quá trình giải quyết vụ kiện Nguyên đơn tại biên bản hòa giải ngày 15/12/2023 Nguyên đơn sửa đổi nội dung yêu cầu khởi kiện ban đầu “theo chứng thư thẩm định giá số: 011123/CT-SP, ngày 01/11/2023 của Công ty TNHH T5. Nguyên đơn đề nghị thay đổi nội dung khởi kiện ban đầu là Nguyên đơn nhận chiếc sà lan và yêu cầu bị đơn trả giá trị chênh lệch theo giá định giá lại cho Nguyên đơn theo giá mua trừ giá định giá bằng giá trị trả lại như sau: Giá mua 3.690.000.000 đồng – 800.000.000 đồng = 2.890.000.000 đồng; Nguyên đơn đồng ý nhận chiếc sà lan và buộc bị đơn trả lại giá trị 2.890.000.000 đồng (Hai tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng)” nội dung sửa đổi không vượt nội dung khởi kiện ban đầu theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ, không trái đạo đức xã hội, đúng theo quy định pháp luật có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn đồng nghĩa với việc xét yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn không đồng ý trả số tiền chi phí bảo quản gìn giữ sà lan 01678/ĐK.

Qua chứng cứ biên bản về việc ghi nhận ý kiến các bên đương sự, ngày 12/11/2021 thể hiện nội dung làm việc đã nêu trên “... Hai bên thống nhất thời hạn thỏa thuận việc thi hành án đối với việc giao sà lan là 07 ngày kể từ ngày hôm nay. Hết thời hạn này mà các bên không thỏa thuận được thì đề nghị Cơ quan thi hành án giải quyết theo quy định pháp luật” căn cứ được ghi nhận bị đơn yêu cầu Nguyên đơn phải trả tiền trông giữ sà lan tự hành số ĐKHC CT01678, theo các chứng cứ có trong hồ sơ, các biên bản của Cơ quan Thi hành án, đã giải thích pháp luật và các bên đã ghi nhận tại biên bản ngày 12/11/2021, sau 07 ngày Nguyên đơn không thực hiện việc nhận vật là chiếc sà lan, nên phải có trách nhiệm trả tiền trông giữ cho bị đơn là phù hợp. Theo chứng cứ bị đơn cung cấp Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số: 37/BAMC-2021, ngày 29/10/2021 giữa công ty CP D1 Long với công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản C1-chỉ nhánh thành phố H tại Điều III hợp đồng thể hiện giá cả và phương thức thanh toán là 15.000.000 đồng/tháng (Mười lăm triệu đồng), theo bảng kê tạm ứng phí trông giữ chiếc sà lan 01678/ĐK tạm tính đến ngày 30/4/2024 chi tiết số tiền và tổng số tiền được bị đơn trình bày là 438.772.733 đồng, tại phiên tòa qua phân tích theo biên bản ngày 12/11/2021 có ghi nhận thời gian sau bảy ngày để hai bên thỏa thuận, Bị đơn đã rõ và sửa đổi nội dung phản tố ban đầu tính tiền trông giữ từ ngày 19/11/2021 thống nhất trừ lại 07 ngày phí trông giữ sà lan mỗi ngày 500.000 đồng, bảy ngày là 3.500.000 đồng, số tiền Nguyên đơn yêu cầu tính từ ngày 19/11/2021 tạm tính đến ngày 30/4/2021 là 435.272.733 đồng (Bốn trăm ba mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng) là phù hợp. Xét về lỗi do Công ty không giao sà lan đúng hạn khi có yêu cầu Cơ quan Thi hành án, mặt khác khi giao sà lan thì không đúng hiện trạng theo Giấy và ban đầu nên ông T không đồng ý nhận tài sản, đây là nghĩa vụ của Bị đơn phải thực hiện sau khi nhận đủ các khoản tiền từ phía Nguyên đơn thi hành theo Bản án phúc thẩm.

Sau khi xử sơ thẩm Nguyên đơn kháng cáo phần này, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm Nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu kháng cáo. Xét đây là tự nguyện của đương sự phù hợp với qui định của pháp luật nên chấp nhận. Vì vậy áp dụng khoản 2 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu này của Nguyên đơn. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phần này.

[4] Từ những phân tích trên cho thấy yêu cầu bồi thường của Nguyên đơn là có căn cứ và cách xử lý như sau:

Về trách nhiệm giao vật - tài sản: Ghi nhận sự tự nguyện của các bên đương sự, Nguyên đơn ông Nguyễn Thành T tự nguyện nhận chiếc sà lan tự hành theo giấy đăng ký số ĐKHC CT 01678/ĐK do Sở giao thông Công chính-UBND thành phố C cấp ngày 27/6/2006 (Trong đó thân vỏ sà lan và các thiết bị máy móc đã qua sử dụng, không rõ tình trạng bên trong; Hiệu máy: Cummins, số máy 10723816; Hệ thống lái chuyển sang thủy lực (hệ thống cũ là S1); Vách trước hầm hàng có thay vỏ mới (tole mới) và nhận tài sản hiện tại khi nhận).

Về trách nhiệm bồi thường, trách nhiệm dân sự:

+ Buộc bị đơn phải trả lại giá trị đã nhận chênh lệch số tiền là 2.890.000.000 đồng (*Hai tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng*) cho Nguyên đơn.

+ Buộc Nguyên đơn phải trả tiền phí trông giữ sà lan số tiền 435.272.733 đồng (Bốn trăm ba mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng) (tính từ ngày 19/11/2021 tạm tính đến ngày 30/4/2024, mỗi tháng 15.000.000 đồng). Đồng thời, Nguyên đơn phải có nghĩa tiếp tục trả tiền thuê bãi, trông giữ sà lan tiếp tục từ ngày 01/5/2024 cho Nguyên đơn cho đến khi Nguyên đơn hoàn thành việc nhận lại sà lan.

Kể từ khi có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án, bên chậm thi hành án phần nghĩa vụ trả tiền, có nghĩa vụ phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chưa thi hành án và thời gian thi hành án.

[5] Như vậy Nguyên đơn đã rút yêu cầu kháng cáo nên đình chỉ yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn, Bị đơn kháng cáo không cung cấp thêm chứng cứ mới nào khác nên không có cơ sở để xem xét, vì vậy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn. Bản án sơ thẩm sơ thẩm xử là có căn cứ được giữ nguyên.

[6] *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:* Nhận xét và đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Nguyên đơn và Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần không được chấp nhận và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Nguyên đơn là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Về chi phí tố tụng:

Chi phí định giá tài sản chiếc sà lan tự hành số 01678 nêu trên, tại đơn vị thẩm định giá Công ty TNHH T5, chi phí 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) đã thu và chi xong. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước, do yêu cầu của Nguyên đơn

được chấp nhận giá trị chênh lệch, nên Bị đơn phải có trách nhiệm trả lại chi phí này cho Nguyên đơn theo quy định.

[9] *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Do yêu cầu kháng cáo của Bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí. Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn theo qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 289, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

- Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của Nguyên đơn và Bị đơn
- Về nội dung: Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Nguyễn Thành T và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH C1 như sau:

- Về trách nhiệm bồi thường, trách nhiệm dân sự:
 - + Buộc bị đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH C1 có nghĩa bồi thường thiệt hại, trả lại cho ông Nguyễn Thành T số tiền 2.890.000.000 đồng (Hai tỷ, tám trăm chín mươi triệu đồng).
 - + Buộc Nguyên đơn ông Nguyễn Thành T phải trả tiền phí trông giữ sà lan cho bị đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST số tiền 435.272.733 đồng (Bốn trăm ba mươi lăm triệu, hai trăm bảy mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi ba đồng) (tính từ ngày 19/11/2021 tạm tính đến ngày 30/4/2024, tiền phí mỗi tháng 15.000.000 đồng). Đồng thời, Nguyên đơn phải có nghĩa tiếp tục trả tiền phí thuê bãi, trông giữ sà lan tiếp tục từ ngày 01/5/2024 cho Nguyên đơn cho đến khi Nguyên đơn hoàn thành việc nhận lại sà lan.

Kể từ khi có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án, bên chậm thi hành án phần nghĩa vụ trả tiền, có nghĩa vụ phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chưa thi hành án và thời gian thi hành án.

- Về trách nhiệm giao vật – tài sản:

Ghi nhận sự tự nguyện của các bên đương sự, Nguyên đơn ông Nguyễn Thành T tự nguyện nhận chiếc sà lan tự hành theo giấy đăng ký số ĐKHC CT 01678/ĐK do Sở giao thông Công chính-UBND thành phố C cấp ngày 27/6/2006 (Trong đó thân vỏ sà lan và các thiết bị máy móc đã qua sử dụng, không rõ tình trạng bên trong; Hiệu máy: Cummins, số máy 10723816; Hệ thống lái chuyển sang thủy lực (hệ thống cũ là S1); Vách trước hầm hàng có thay vỏ mới (tole mới) và nhận tài sản hiện tại khi nhận);

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị đơn Công ty cho thuê tài chính T6 phải chịu 89.800.000 đồng (Tám mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm,

+ Nguyên đơn được miễn án phí dân sự.

Bị đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 6.162.000 đồng (Sáu triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000092, ngày 14/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST phải nộp 300.000 đồng, chuyển số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0001407 ngày 03/6/2024 của Chi cục THA dân sự quận N thành án phí (nộp xong).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 28/8/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự; Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- TAND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q.Ninh Kiều;
- Lưu HS.

Phan Thị Hồng Dung